**BÀI 4:**

**NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI**

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

- *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).

- *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).

- *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).

- Thực hành Tiếng Việt.

- *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh).

**2. Viết:**

Kể lại một trải nghiệm của bản thân (hình thức một bài văn hoặc một đoạn văn).

**3. Nói và nghe.**

Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**4. Ôn tập.**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết- KHGD**

1. **Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết**

**2. Viết: 2 tiết**

**3. Nói và nghe: 2 tiết**

**4. Ôn tập: 1 tiết**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại: Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

- Rút ra được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân sau khi học xong văn bản.

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Có khả năng thu thập tài liệu liên quan đến truyện đồng thoại nói chung và các văn bản của bài học nói riêng. | **Đ1** |
| **2** | Biết cách tìm và chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong các truyện đồng thoại. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết tiêu biểu, quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được ý nghĩa của các truyện đồng thoại. | **Đ4** |
| **5** | Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **V1** |
| Có khả năng giải quyết các bài tập mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ. |
| **6** | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một nhân vật hoặc một vấn đề trong văn bản đã học. | **V2** |
| **7** | Có khả năng trao đổi, thảo luận đưa ra ý kiến của mình về các vấn đề trải nghiệm trong cuộc sống một cách hữu ích nhất. | **N1-NGH** |
| **8** | Kể được một trải nghiệm của bản thân mà mình nhớ nhất. | **N2-NGH** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Có thái độ nhân ái, khoan dung với người khác.  - Biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.  - Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống khiêm tốn, giản dị, tích cực. | **NA,**  **TN.** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N-NGH: Nói - Nghe** (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- NA:** Nhân ái

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngoại hình Dế Mèn** | **Tính cách Dế Mèn** |
| ............ | ........... |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**- Phiếu học tập số 2: Lời kể và lời thoại.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế mèn** |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**Phiếu học tập 3: Sắp xếp các sự việc và lựa chọn sự việc quan trọng trong văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hệ thống sự việc** | **Sắp xếp lại** | **Sự việc quan trọng nhất** |
| 1. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô, hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê. |  |  |
| 2. Thằn Lằn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn cánh cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy. |  |  |
| 3.Thằn Lằn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bọ Dừa mất ngủ. |  |  |
| 4. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm sương rơi trúng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ. |  |  |
| 5. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thằn Lằn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc. |  |  |

**Phiếu học tập 4. Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu:… |  |  |
|  | Ý 1 |  |  |
| **Thân bài** | Ý 2 |  |  |
|  | Ý 3 |  |  |
|  | …. |  |  |
| **Kết bài** | Ý nghĩa: |  |  |

**………**

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| - *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).  - *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).  - *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).  - *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh). | - Đưa ra những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  Chỉ ra chủ đề của các truyện đồng thoại trong GSK.  - Nắm được những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong các truyện đồng thoại. | Phân tích những đặc điểm về ngoại hình, phẩm chất của nhân vật Dế Mèn, Dế Choắt… | - Kể lại một truyện đồng thoại *Bài học đường đời đầu tiên*.(sử dụng ngôi thứ 3).  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của các truyện đồng thoại để phân tích, cảm nhận về ý nghĩa câu chuyện.  - Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  - Trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | - So sánh tính cachs, lối sống của các nhân vật.  - Trình bày những kiến giải riêng, phát hiện sáng tạo về ý nghĩa của văn bản.  - Biết tự đọc và khám phá các giá trị của truyện đồng thoại.  - Vận dụng kiến thức đã học để viết và trình bày về ý nghĩa lối sống nhân ái, khoan dung, khiêm tốn, giản dị. |
| Thực hành Tiếng Việt. | Phân biệt từ, cụm từ, thành phần chính của câu | Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng các cụm từ. | Chỉ ra tác dụng của cụm danh từ, cụm tính từ trong câu. |  |
| Viết |  | Cách viết bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân. | Lên ý tưởng, tạo dàn ý cho bài viết | Viết hoàn chỉnh một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. |
| Nói- nghe |  | Cách trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | Lập dàn ý bài thuyết trình. | Trình bày hoàn chỉnh bài văn kể kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. |

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Hệ thống câu hỏi về văn bản, kiến thức Tiếng Việt.**

**2.Phiếu học tập.**

**3. Bài tập :** Sơ đồ tư duy về bài học (kết hợp trong hoặc sau tiết học).

**4. Rubric**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện đồng thoại đã học.(4 điểm) | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1-1,5 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (2-3 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (4 điểm) |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện đồng thoại vừa học.  (6 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  (3 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu .  (4- 5 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (6 điểm) |

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến bài học . | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về truyện đồng thoại.**    **II. Đọc hiểu văn bản.**  - *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).  - *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).  - *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).  **III.Đọc mở rộng theo thể loại.**  - *Cô gió mất tên* (Xuân Quỳnh).  **IV.Thực hành Tiếng Việt:** Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ  **V.Viết:** Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  **VI. Nói – nghe**: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ mở rộng** | **Mở rộng** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá. |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**ĐỌC**

- *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài).

- *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến).

- *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** Quan sát một tình huống và trả lời câu hỏi.

bài viết và nhận xét

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời giải quyết tình huống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách thứ nhất:**

1. GV dùng máy chiếu chiếu trực tiếp một tình huống về trải nghiệm cuộc sống:

**Tình huống như sau**: Mẹ nói với An: *30/4 tới đây, con được nghỉ học thì cả nhà mình về thăm ông bà ngoại vì mấy tháng rồi, dịch bệnh chưa về quê được*.

- An: *Không. 30/4 chúng con có dự định đi chơi công viên rồi. Hôm ấy lại là ngày sinh nhật của bạn con*.

- Mẹ: *Công viên lần này con chưa tới thì lần sau con tới, còn việc về thăm ông bà thì bố mẹ đã lên kế hoạch rồi*…

- An: *Con đã bảo con không về quê. Ông bà ngày nào chẳng gọi điện lên nhà mình ạ!*

- Mẹ: (Cúi mặt, khuôn mặt lộ rõ nỗi buồn).

- An:…

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

1. Em có đồng ý với lời nói và suy nghĩ của An không? Trong tình huống này, em sẽ hành động như thế nào?

2.Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.

**Cách thứ 2:**

- GV cho HS xem video câu chuyện về chú mèo Hello Kitty

Ở nước Nhật, có một câu chuyện cảm động về sự ra đời của chú mèo “Luôn biết lăng nghe” người khác.

- GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé?

+ Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này?

***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***

***\* Bước 3: Nhận xét.***

***\* Bước 4: Cùng trải nghiệm****,* ***logic vấn đề với bài học mới:***

*Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự nuối tiếc, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.*

*Hôm nay, các em sẽ được trải nghiệm về những bài học đáng quý ấy qua những truyện đồng thoại – những bài học giúp chúng ta trưởng thành hơn.*

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

(HS hiểu truyện đồng thoại, ý nghĩa của từng truyện đồng thoại trong SGK…)

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Tìm hiểu truyện và truyện đồng thoại**

**Phiếu học tập (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Truyện cổ tích** | **Truyện đồng thoại** |
| Nội dung phản ánh |  |  |
| Nhân vật |  |  |
| Cốt truyện |  |  |

**(**HS sử dụng phiếu học tập trên để phân biệt truyện cổ tích và truyện đồng thoại)

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Theo em truyện khác thơ chỗ nào?  - Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **HĐ nhóm:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Các nhóm bàn hãy thảo luận để hoàn thành phiếu học tập trên (\*)**  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **GV nhấn mạnh:**  - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại.  - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc.  - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động…tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em. | **1. Truyện.**  Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **2.Truyện đồng thoại.**  Là truyện viết cho trẻ em (thiếu nhi), có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.  - Cốt truyện: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. |

**Văn bản 1:**

***Bài học đường đời đầu tiên***

*(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài).*

**I. Chuẩn bị đọc:**

**- GV đặt câu hỏi:**

Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Bài học đường đời đầu tiên” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.**

**II.Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*, văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”: nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… ),

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* và VB *Bài học đường đời đầu tiên* .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Trước khi Trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu đôi nét về nhà văn Tố Hoài để việc đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.**

**Tác giả: Tô Hoài**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Giới thiệu** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 20 và cho biết những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài và sự nghiệp sáng tác của ông?  - Em biết những tác phẩm nào của Tô Hoài?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Chiếu lên một số tác phẩm của Tô Hoài để HS quan sát:**  **GV bổ sung**: Bút danh Tô Hoài: Để kỉ niệm và ghi nhớ về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức  - Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.  - Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư. | **(1920- 2014)**  Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen  -Sinh năm 1920, mất năm 2014  - Quê : Hà Nội  -Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dế Mèn phiêu lưu kí....* |

**Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết Dế mèn phiêu lưu kí được Tô Hoài sáng tác năm nào? Thuộc loại truyện gì?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **- GV mở rộng**: "Dế Mèn phiêu lưu kí" là một tác phẩm nổi tiếng đầu tay của nhà văn Tô Hoài được sáng tác khi ông 21 tuổi dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ vùng Bưởi quê ông. Tác phẩm có 10 chương. Chương đầu kể về lai lịch và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hai chương tiếp theo kể chuyện Dế Mèn bị bọn trẻ con đem đi chọi nhau với các con dế khác. Dế Mèn trốn thoát. Trên đường về nhà gặp chị Nhà Trò bị sa vào lưới bọn Nhện độc ác. Dế Mèn đã đánh tan bọn Nhện cứu thoát chị Nhà Trò yếu ớt. Bẩy chương còn lại kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn.  **GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng, giọng đầy kiêu hãnh khi miêu tả về vẻ đẹp của Dế Mèn. Đoạn trêu chị Cốc đọc với giọng hách dịch, khi kể về cái chết của chị Cốc đọc với giọng buồn, hối hận.  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***-*** Đọc phân vai:  + 1HS đọc lời của Dế Mèn  + 1 HS đọc lời Dế Choắt.  + 1 HS đọc lời chị Cốc.  - Em hãy nêu ấn tượng ban đầu của mình về văn bản?  - Em hãy nêu vị trí của đoạn trích trong tác phẩm? - Kể tóm tắt.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét giọng đọc, bổ sung việc tóm tắt**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm *vụ:*** Có thể chia văn bản làm mấy phần?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Giới thiệu tác phẩm.**  **C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (1).jpg**  “[Dế mèn phiêu lưu ký](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941) là truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới. Trong truyện, nhân vật chính là Dế Mèn, cậu đã trải qua muôn vạn cuộc phiêu lưu thử thách đầy mạo hiểm. Ở chặng đường ấy là những bài học giúp Dế Mèn trưởng thành và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chúng ta có thể đúc kết kinh nghiệm từ chính [nhân vật Dế Mèn](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)**,** đó là đi một ngày đàng học một sàng khôn.  **2. Đoạn trích: *Bài học đường đời đầu tiên*.**  **a.Vị trí**: Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu ký”.  **b. Đọc- kể tóm tắt** (theo ngôi thứ nhất).  **Các sự việc chính:** - Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, cử chỉ, hành động. - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn:  + Dế Mèn coi thường Dế Choắt.  + Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  **c. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.  - Phần 2:Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. |

**III.Đọc- hiểu văn bản.**

**(Sử dụng phiếu học tập số 1,2)**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

-Xác định được ngôi kể thứ nhất, nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật Dế Mèn.

- Đánh giá được những đặc điểm cơ bản của các nhân vật Dế, hiểu được nghệ thuật miêu tả loài vật tinh tế sinh động và cách sử dụng từ ngữ đặc sắc của Tô Hoài.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ để thảo luận**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 1 về hình dáng và tính cách của Dế Mèn theo gợi ý sau:  Gợi ý: Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.  **(HS sử dụng giấy A0)**  **\* Bước 2.Các nhóm thực hiện nhiệm vụ và đại diện báo cáo sản phẩm.**  (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **- GV bổ sung**: Vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba.    **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:** Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn như thế nào? (Những chi tiết miêu tả Dế Choắt?)  Thái độ của Dế Mèn khi Dế Choắt nhờ vả ra sao?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**    ***GV bổ sung, nhấn mạnh:*** Tự hào về mình bao nhiêu thì Dế Mèn tỏ ra coi thường Dế Choắt bấy nhiêu. Thậm chí, Dế Mèn còn mang Dế Choắt ra làm đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình…  Dế mèn Phiêu lưu ký.  **(Chị Cốc)**  **GV nhấn mạnh:** Việc Dế Choắt muốn đào cái ngách sang nhà nhân vật “tôi” phòng khi có kẻ nào bắt nạt cho thấy Dế Choắt tự được ý thức được sức khoẻ của bản thân và nghĩ rằng Dế Mèn là người hàng xóm tốt bụng, có thể chia sẻ và giúp đỡ được mình khi hoạn nạn  **Thảo luận theo cặp bàn:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  + Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của?  + Việc Dế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  ***\*Bước 1.GV đặt câu hỏi:* Dế Mèn trêu chị Cốc đã gây ra hậu quả gì?**  - Hậu quả Dế Mèn gây ra là gì?  - Tâm trạng của Dế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Dế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\* GV đặt tiếp câu hỏi:** Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em, sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **- GV đặt câu hỏi mở rộng:** Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  \*GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi:Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này?  - Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?  **- GV nhấn mạnh:** Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời**.**  - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái.  Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. | **1. Nhân vật Dế Mèn.**  **a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  Những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn:  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..  - Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.**  **\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  - Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.  Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  **\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**  - Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  **2**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **\* Nhận xét:**  - Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi song không ác ý.  Ở đây có sự biến đổi tâm lý: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.  Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  - Sự hối hận của Dế mèn là cần thiết vì kẻ biết lỗi sẽ tránh được lỗi.  - Có thể tha thứ vì tình cảm của Dế Mèn rất chân thành.  - Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn cay đắng vì lỗi lầm của mình, xót thương Dế Choắt, mong Dế Choắt sống lại, nghĩ đến việc thay đổi cách sống của mình.  - Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - Bài học về tình thân ái, chan hòa.  - Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.  - Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua. |

**IV. Sau đọc hiểu (Tổng kết)**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB “Bài học đường đời đầu tiên”

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  +Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  + Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này?  **\* GV hỏi thêm:** Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại:  + Nhân vật là các loài vật đã được nhân hoá: trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có các nhân vật là Dế Mèn, Dế Choắt, Chị Cốc, chị Cào Cào.  + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của loài vật:  + Ngoại hình của Dế Mèn được miêu tả bằng những chi tiết đặc trưng cho loài dế: râu, đôi càng, đôi cánh, đầu, cái răng đen.  + Hành động của Dế Mèn như đạp phanh phách lên ngọn cỏ, đào hang… | **1.Nghệ thuật:**  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại.  **2. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu: Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1.GV chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1**. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 3)

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| - Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm.  - Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không. | - Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.  - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?  (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt) |

**Nhiệm vụ 2**. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông vàng (game mini) thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**\* Bước 1: Gv phổ biến luật chơi.**

**- Mỗi gọc sinh sẽ có 4 tấm thẻ (Mỗi tấm thẻ 1 màu)**

+ Xanh: Đáp án A.

+ Đỏ: Đáp án B.

+ Tím: Đáp án C.

+ Vàng: Đáp án D

**\* Bước 2.** **GV đọc từng câu hỏi.**

**\* Bước 3.** **HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước**.

**\* Bước 4.** **Công bố kết quả**

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

**Các câu hỏi như sau:**

**Câu 1**: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

**Câu 2:** Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

**Câu 3**: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

**Câu 4**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

**Câu 5:** Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

**Câu 6**: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

**Câu 7**: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

**Câu 8**: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

**VẬN DỤNG SAU TIẾT HỌC**

**a.Mục tiêu: N1, V1 - GQVĐ** (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Cách 1:**

**\* Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**Cách 2**:

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?

**\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**\* Gợi ý:**

- Qua câu chuyện của Dế Mèn khiến chúng ta hiểu vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba của mình, có thái độ kiêu căng, tự phụ, xốc nổi. Đây cũng là những lỗi lầm dễ mắc phải ở những người tuổi mới lớn.

- Thái độ cần có trước những lỗi lầm: chúng ta phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải, phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu xót của mình.

**Văn bản 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM**

**(Trần Đức Tiến)**

**I. Chuẩn bị đọc (Khởi động)**

1. **Mục tiêu: Kết nối bài học** (HS hào hứng đi tìm kiến thức mới).
2. **Nội dung:** Trả lời cá nhân về một trải nghiệm của bản thân.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đã bao giờ có một sự việc bất ngờ xảy ra khiến em thay đổi quyết định của mình? Chia sẻ với các bạn về trải nghiệm ấy.

**-** Em đã từng thấy bọ dừa chưa? Em đã biết gì về tập tính của bọ dừa? Nếu chưa biết gì về bọ dừa, em hãy hỏi người khác hoặc tìm hiểu thông tin từ sách và Internet.

**\*Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Cùng trải nghiệm.**

**\* Bước 4. Vào bài mới.**

**II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a.Mục tiêu: Đ1,Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

(HS hiểu ý nghĩa của truyện đồng thoại *Giọt sương đêm*)

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Trần Đức Tiến**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Qua việc chuẩn bị bài và tham khảo tài liệu, em hãy cho biết những nét cơ bản về tác giả Trần Đức Tiến?**  **- Hãy kể những tác phẩm viết về thiếu nhi của Trần Đức Tiến mà em biết?**  **\* Bước 2. HS trả lời.**  **\* Bước 3. GV nhận xét.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **Tác giả: Trần Đức Tiến**  https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/3/3c/Tran_Duc_Tien.jpg/220px-Tran_Duc_Tien.jpg  - Nhà văn Trần Đức Tiến sinh ngày 2 tháng 5 năm 1953 tại làng Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông từng học ở trường làng rồi vào học chuyên Văn ở ngôi trường chuyên danh tiếng của thành phố Nam Định - Trường Lê Hồng Phong . Quãng thời gian còn đi học, ông từng là học sinh giỏi môn Văn của tỉnh và toàn miền Bắc. Sau đó, ông lên Hà Nội học đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông làm trong ngành thống kê đến năm 1989 thì chuyển sang công tác ở Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.  - Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996.  - Trần Đức Tiến viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi. Trong đó có 3 truyện đồng thoại: Dế mùa thu, Làm mèo, Xóm Bờ Giậu. Ông viết bằng tâm thế của một đứa trẻ nên truyện đồng thoại của ông mang nét tinh tế, hồn nhiên.  **\*Sáng tác cho thiếu nhi:**  - *Vương quốc vắng nụ cười* (tập truyện thiếu nhi, 1993)  - *Dế mùa thu* (tập truyện thiếu nhi, 1997)  - *Thằng Cúp* (tập truyện thiếu nhi, 2001)  - *Làm mèo* (truyện vừa thiếu nhi, 2003)  - *Trăng vùi trong cỏ* (tập truyện thiếu nhi, 2006)  - Trần Đức Tiến - Những truyện hay viết cho thiếu nhi (2013)  - *Trên đôi cánh chuồn chuồn* (tập truyện thiếu nhi, 2015).  - *Xóm Bờ Giậu* (tập truyện thiếu nhi 2018 - tái bản năm 2020) |

**Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Truyện đồng thoại *Giọt sương đêm* trích trong tập truyện nào?**  **- Truyện kể theo ngôi thứ mấy? Truyện gồm những nhân vật nào? Hãy tóm tắt những ý cơ bản?**  **- Hãy đọc tác phẩm với giọng rõ ràng, mạch lạc.**  **\* Bước 2. HS trả lời trực tiếp hoặc ghi ra giấy.**  **\* Bước 3. GV nhận xét.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | https://nxbkimdong.com.vn/sites/default/files/styles/158_auto/public/xom-bo-giau_bia-2020-1_0.jpg?itok=9IGKnp_m  **1. Xuất xứ và ngôi kể**  **- Trích trong tập truyện *Xóm Bờ Giậu.***  **- Ngôi kể: ngôi thứ 3.**  **2. Đọc và tóm tắt.**  **Những nội dung chính:**  - Bọ Dừa đến xóm Bờ Giậu xin nghỉ trọ.  - Bọ Dừa muốn nằm nghỉ dưới tán lá trúc.  - Thằn Lằn đến báo cụ giáo Cóc về việc có vị khách đến trọ trong xóm Bờ Giậu.  - Đêm đến, giọt sương rơi xuống cổ của Bọ Dừa khiến Bọ Dừa không chợp mắt vì nhớ quê.  - Sáng hôm sau, Bọ Dừa đến chào Thằn Lằn và lên đường về thăm quê sau nhiều năm xa cách**.** |

**III. Đọc hiểu chi tiết văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **LÀM VIỆC CÁ NHÂN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bọ Dừa đến trọ xóm Bờ Giậu vào thời gian nào?  - Những lời nói, hành động của Bọ Dừa với Thằn Lằn cho thấy Bọ Dừa là người như thế nào?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: HS khác nhận xét, GV nhận xét**  **\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Khi đang ngủ dưới vòm lá trúc, điều gì đã xảy ra với Bọ Dừa.  - Cảm xúc lúc đó của Bọ Dừa là gì?  - Giọt sương đêm có ý nghĩa gì?  ***\* Bước 2: Các cặp thực hiện nhiệm vụ, báo cáo sản phẩm nếu được GV yêu cầu.***  ***\* Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.***  ***\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Bọ Dừa nhanh chóng đưa ra quyết định gì?  - Theo em quyết định đó có vội vã không? Nó nói lên điều gì?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: GV nhận xét.***  ***\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Em hãy tìm hiểu những hành động của Thằn Lằn và cho biết Thằn Lằn là nhân vật như thế nào?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: GV nhận xét.***  ***\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Cụ Cóc có vai trò gì trong xóm Bờ Giậu?  Em hãy tìm hiểu những lời nói của cụ Cóc và cho biết cụ Cóc là nhân vật như thế nào?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: GV nhận xét.***  ***\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Trải nghiệm mà Bọ Dừa có được trong đêm ấy là gì? Qua đó, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  ***\* Bước 3: GV nhận xét.***  ***\*Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **1. Nhân vật Bọ Dừa.**  **a. Bọ Dừa đến trọ xóm Bờ Giậu**.  - Thời gian: Trời chạng vạng tối.  - Lời nói của Bọ Dừa nói với Thằn Lằn:  + *Xin chào. Bác làm ơn chỉ giùm tôi một chỗ trọ trong xóm.*  + *Tôi chỉ cần một chỗ trọ xoàng xĩnh*.  + *Tôi ngủ tạm dưới vòm trúc kia cũng ổn*.  Nhận xét:  - Lời nói khiêm tốn, nhã nhặn.  - Là nhà buôn nhưng không cần chỗ nghỉ ngơi cao sang.  Bọ Dừa là người giản dị, khiêm tốn.  **b. Giọt sương đêm.**  - Không gian yên tĩnh đến mức Bọ Dừa cảm nhận rõ mọi âm thanh dù là nhỏ nhất của thế giới xung quanh.  - Giọt sương rơi bộp xuống cổ Bọ Dừa bất chợt trong đêm.  - Bọ Dừa bất ngờ và cảm nhận rất rõ cái lạnh của giọt sương.  - Giọt sương khiến Bọ Dừa không thể chợp mắt ngủ được vì nỗi nhớ quê.  \*Ý nghĩa của giọt sương đêm:  - Đánh thức nỗi nhớ quê, sự trăn trở trong tâm hồn người con xa quê.  **c. Quyết định của Bọ Dừa.**  Lí do khiến Bọ Dừa quyết định về quê sau một đêm mất ngủ:  Trong đêm thanh vắng, Bọ Dừa lắng nghe rõ được những âm thanh quen thuộc. Đặc biệt là khi giọt sương rơi xuống cổ khiến Bọ Dừa sực nhớ quê nhà. Những âm thanh, hình ảnh đó đã gợi nhắc về hình ảnh quê hương mà bao lâu nay Bọ Dừa đã bỏ quên.  - Không đi tiếp và cũng không ở lại xóm Bờ Giậu, Bọ Dừa quyết định lên đường về thăm quê.  Bọ Dừa rất yêu quê hương.  **2. Nhân vật Thằn Lằn.**  - Thằn Lằn rất gần gũi, chân tình và chu đáo:  + Thừa nhận sự nghèo khó của xóm mình – xóm Bờ Giậu: Chỗ nghỉ xoàng xĩnh cũng không có chứ đừng nói khách sạn với nhà nghỉ.  + Mời ông khách (Bọ Dừa) vào nhà mình nghỉ dù nhà Thằn Lằn chỉ là một cái bình trật trội.  + Chạy đến báo cáo với trưởng thôn là cụ giáo Cóc về sự việc vừa xảy ra. Rất tôn trọng người có vai vế trong xóm.  + Đồng cảm với tâm trạng của Bọ Dừa: nhìn theo ngơ ngẩn khi Bọ Dừa ra đi.  **3. Nhân vật cụ giáo Cóc.**  - Là vị trưởng thôn rất am hiểu về thế giới xung quanh.  Khi giải thích cho Thằn Lằn nghe, cụ Cóc đã liệt kê rất nhiều tên tuổi của họ cánh cứng: *Bọ Dừa, Bọ Ngà, Cánh Cam, Xiến Tóc*….*Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai, Anh trọc đầu không râu. Anh ria dài như hai sợi ăng ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng.*  - Là người có nội tâm sâu sắc.  Cụ hiểu rằng giọt sương đêm có ý nghĩa thức tỉnh nổi nhớ quê trong sâu thẳm tâm hồn Bọ Dừa cũng như tất cả mọi loài. Câu nói ngắn gọn của cụ “Có khi người ta thức trắng đêm chỉ vì một giọt sương” có ý nghĩa sâu sắc: vì một giọt sương đã khiến người ta thức trắng đêm, vì một kỉ niệm trong quá khứ ùa về khiến Bọ Dừa sực tỉnh, giật mình, suy nghĩ về những điều đã bỏ quên từ lâu, đó chính là nỗi nhớ quê nhà.  **4. Bài học trải nghiệm.**  - Trải nghiệm của Bọ Dừa trong đêm ấy là ông đã ngủ ngoài trời và ông đã có cơ hội được ngắm nhìn trời mây, lắng nghe âm thanh của lá cây, côn trùng, tiếng gió, tiếng sương rơi.  - Thông điệp: đôi khi vì cuộc sống bận rộn khiến chúng ta quên đi những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Vì vậy hãy biết trân trọng những giá trị của cuộc sống. |

**IV.Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:** hãy chỉ ra những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật của truyện đồng thoại này?  **\* Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Nhận xét sản phẩm. \* Chuẩn kiến thức.**  **Tích hợp Tiếng Việt về nghệ thuật nhân hóa:**  - **Dùng từ vốn để gọi người để gọi vật:** *ông khách, trưởng thôn, quý vị….*  -**Dùng từ vốn để chỉ hoạt động tích chất của người để chỉ tính chất của vật:** *nhã nhặn, làm ơn, kể….*  -**Trò chuyện xưng hô với vật như với người:** *tôi, anh, ông*, *bác*. | 1. **Nội dung.**   - Nỗi nhớ quê trong lòng những người con xa xứ.  - Tình yêu quê hương trong tâm hồn mỗi con người.  - Trân trọng những giá trị trong cuộc sống, dù là những điều nhỏ nhất.  **2. Nghệ thuật.**  - Ngôi kể: ngôi thứ 3:  “Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng” (Lời người kể chuyện)  - Nghệ thuật liệt kê.  - Nghệ thuật so sánh.  - Nghệ thuật nhân hóa.  **-** Đặc trưng của truyện đồng thoại là thể hiện đặc điểm sinh hoạt của các loài vật.  **Ví dụ: “**Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai, Anh trọc đầu không râu. Anh ria dài như hai sợi ăng ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng”. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa khám phá).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ:*** Sắp xếp các sự việc sau theo đúng trật tự được kể trong truyện.

a. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê.

b. Thằn Lằn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn Cánh Cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy.

c. Thằn Lằn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bò Dừa mất ngủ.

d. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm, sương rơi trúng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ.

e. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thằn Lằn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc.

**Trong những sự việc nêu trên, theo em sự việc là quan trọng nhất? Vì sao?**

**\* Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Nhận xét sản phẩm.  
\* Chuẩn kiến thức.**

**- Sắp xếp các sự việc**: e – b – d – a - c

**- Yêu cầu 2**: HS có thể lựa chọn sự việc mà mình cho là quan trọng nhất. Lí giải?

Gợi ý: Sự việc a: “Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thằn Lằn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thằn Lằn để về quê “ là quan trọng nhất. Vì sự việc này có ý nghĩa sâu sắc: sau một đêm mất ngủ, Bọ Dừa nhận ra chính mình, quay trở về quê hương sau bao năm xa cách, quên lãng.

**VẬN DỤNG SAU TIẾT HỌC**

**a. Mục tiêu:** Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học qua văn bản.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ văn bản vừa học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhận xét về cách kết thúc câu chuyện của tác giả. Nếu là em, em sẽ kết thúc câu chuyện này như thế nào?

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.  
\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:**

**- Ý 1:** Truyện có kết thúc mở. Cách kết thúc đó của tác giả để mỗi người đọc sẽ tự cảm nhận, tự suy nghĩ và chiêm nghiệm về lời nói của cụ giáo.

**- Ý 2:** HS tự nghĩ ra cách kết thúc và lí giải cho sự lựa chọn cách kết thúc của mình.

**CÂU HỎI VẬN DỤNG CHUNG CHO HAI VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: N1, V1 - GQVĐ** (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học qua các văn bản của chủ điểm).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1.** Viết một đoạn văn khoảng 5- 7 câu nói lên cảm xúc của mình về tình nghĩa xóm làng.

**Câu 2.** Qua 2 văn bản đồng thoại vừa học, em rút ra kinh nghiệm gì khi tìm hiểu những tác phẩm thuộc văn bản đồng thoại?.

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3: Nhận xét sản phẩm.  
\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:**

**Câu 1.** HS tự viết tại nhà (nếu không có thời gian trên lớp). Chú ý mặt cảm xúc, không quá nặng về câu từ, diễn đạt

**Câu 2.**

**\* Gợi ý: Khi tìm hiểu văn bản theo thể loại truyện đồng thoại, các em cần lưu ý:**

- Đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại: Cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất hay người kể chuyện ngôi thứ 3.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.

**Đọc kết nối chủ điểm:**

**Văn bản: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ.**

**(Nguyễn Ngọc Thuần)**

**I. Chuẩn bị đọc (Khởi động):**

**a. Mục tiêu: Kết nối bài học** (HS hào hứng đi tìm kiến thức mới).

**b. Nội dung:** Trả lời cá nhân về một trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Trong vườn nhà em thường trồng những loài hoa gì? Loài hoa nào em thích nhất?

- Em hãy quan sát những bông hoa sau và thử đoán đó là hoa gì nhé!



****

-Trong số các loài hoa trên, loài hoa nào đã nhắc đến trong các bài vừa học? Loài hoa nào sẽ xuất hiện trong bài học của chúng ta hôm nay?  
- Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**\* Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Chuẩn kiến thức:**

+ Hoa bìm trong bài thơ cùng tên của Nguyễn Đức Mậu.  
 + Hoa hồng, hoa mào gà xuất hiện trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.

**\* Vào bài mới:** Các em ạ! Mỗi loài hoa đều có vẻ đẹp riêng của nó nhưng nếu yêu thích hoa thì chúng ta sẽ thấy hoa không chỉ đẹp mà còn có hương thơm, có ý nghĩa riêng. Nó là món quà mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu “ý nghĩa đưa đường” của các loài hoa để thấy “thế giới” thật gần gũi và thân thuộc với con người như thế nào nhé!

**II.Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong văn bản.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của mình qua việc học văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Bài học đường đời đầu tiên* và *Giọt sương đêm* để hiểu hơn về chủ điểm: *Những trải nghiệm trong đời.*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**- Trước hoạt động:** Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

**Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, Gv và HS tìm hiểu đôi nét về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Qua việc tìm hiểu tài liệu và chuẩn bị bài, em hãy cho biết những điều em biết về tác giả Nguyễn Ngọc Thuần và nét riêng trong sáng tác của nhà văn này?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3: Nhận xét và bổ sung.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức cơ bản.** | **Tác giả**    **Nguyễn Ngọc Thuần**  *- Sinh năm 1972 quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.*  *- Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.*  *-*Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành.  - Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ |

**Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| **GV nhấn mạnh:** Cả tập truyện *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* là tự sự của một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. | **C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (5).jpg 1. Xuất xứ**: Đoạn trích rút từ tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, xuất bản 2004.  **2.Tóm tắt.**  **Các chi tiết chính:**  - Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa.  - Người cha đố con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm…  Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đống của sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào. |

**III.Đọc hiểu chi tiết văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Công việc hàng ngày mà người cha làm với con là gì?  - Tại sao người cha lại muốn con cùng tưới hoa, nhắm mắt đi trong vườn và nhắm mắt ngửi hoa, đoán tên loài hoa?  - Những việc mà người bố làm cùng con có ý nghĩa gì?  - Em hãy nhận xét tình cảm của người cha dành cho con?  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Món quà mà Tý tặng cho bố của nhân vật tôi là món quà gì?  - Thái độ của người bố trước món quà này ra sao?  **- Em hiểu thế nào về câu nói của nhân vật bố: “Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”?**  **- Em có đồng tình với thái độ của người bố khi nhận món quà của Tý không? Vì sao? Qua đó, em rút ra được bài học gì về cách ứng xử trong cuộc sống?**  **\* Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Chuẩn kiến thức.**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** Thái độ của người con như thế nào khi người bố thường xuyên dẫn ra vườn với những công việc: tưới hoa, nhắm mắt đi trong vườn và đoán các loài hoa, chơi trốn tìm, đoán đồ vật…?  - Em đánh giá như thế nào về cách cảm nhận thế giới tự nhiên của nhân vật tôi trong câu chuyện? Theo em, cách cảm nhận ấy đem lại ý nghĩa gì cho cuộc sống của chúng ta?  **\* Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Chuẩn kiến thức.** | **1. Nhân vật người cha (người bố).**  **a. Công việc bố làm cùng con:**  - Dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng cha.  - Đố con nhắm mắt lại, chạm vào hoa và đoán tên các loài hoa. Khen con mỗi lần con đoán đúng.  - Cùng con chơi trò chơi trốn tìm, đoán đò vật một cách vui vẻ, hướng con đến những niềm vui, giá trị của cuộc sống.  Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  **-** Người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.  **b. Thái độ của người bố trước món quà của Tý.**  - Món quà là những trái ổi.  - Người bố vốn không thích ăn ổi nhưng vẫn đón nhận những trái ổi mà Tý tặng một cách trân trọng.  - Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.  - Thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tý vì Tý luôn dành những trái ổi ngon nhất để dành tặng nên người bố dù không thích ăn nhưng vì Tý mà vẫn ăn.  Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.   1. **Nhân vật người con.**   - Luôn tỏ ra hào hứng, thích thú.  - Cách cảm nhận của nhân vật người con trong câu chuyện đã dần dần thay đổi: ban đầu, cậu bé không thể đoán được tên loài hoa, dần dần đã thuộc tên và rồi khi nhắm mắt lại, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên. Như vậy, người con đã cảm nhận thế giới tự nhiên bằng nhiều giác quan và khi càng hiểu, người con ấy càng trân trọng và thêm yêu mến thiên nhiên quanh mình.  Ý nghĩa: Đó là cách cảm nhận sâu sắc. Khi ta cảm nhận bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.  **3. Bài học trải nghiệm.**  - Trân trọng, yêu thương thế giới tự nhiên: thân thuộc, gần gũi với chính mình (“những bông hoa chính là người đưa đường”).  - Trân trọng, biết ơn những món quà người khác ban tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ.  - Trân trọng, biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. |

**IV.Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Em hãy chỉ ra ý nghĩa nội dung của văn bản?  - Những nét nghệ thuật độc đáo của văn bản này?  **\* Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Chuẩn kiến thức.** | 1. **Nội dung:**   -“Vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ” là một bức tranh đồng quê dung dị, trong trẻo, sống động, đầy chất thơ, lại chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu sắc. Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã mang lại cho tuổi thơ một món quà quý báu, và cho cả những người đã bước qua tuổi thơ một khoảng vườn suy ngẫm: hãy nhắm mắt và mở lòng - mở cánh cửa của chính mình - hãy nhìn cuộc sống bằng tất cả các giác quan để cảm nhận, để thấu hiểu, để yêu thương, để quan tâm và để nhớ  **2. Nghệ thuật**  - Ngôi kể:ngôi thứ nhất.  - Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành.  Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ. |

**BÀI: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**b. Nội dung**: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  
**c. Sản phẩm**: câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d**.**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Xác định chủ ngữ trong các cặp câu sau đây (VD1), (VD2)?  - Thế nào là cụm từ?  - So sánh hai câu để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ ở mỗi câu bổ sung thêm thông tin như thế nào ?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trả lời.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\*Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.**  **\*Bước 4. Đánh giá kết quả.**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Xác định danh từ trung tâm ở cụm danh từ?  - Liệt kê những từ có thể đứng trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  - Chỉ ra những từ đứng sau trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  -Từ ví dụ trên, em rút ra cấu tạo của cụm danh từ gồm mấy phần? Phần nào là phần bắt buộc phải có trong cụm danh từ?  **\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bươc 3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**  **\* Bước 1.Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Xác định động từ trung tâm ở cụm danh từ?  - Liệt kê những từ có thể đứng trước động từ trung tâm?  - Chỉ ra những từ đứng sau trước động từ trung tâm?  -Từ ví dụ trên, em rút ra cấu tạo của cụm động từ gồm mấy phần? Phần nào là phần bắt buộc phải có trong cụm danh từ?  **Tương tự về cụm tính từ**  .  **Bài 1:**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   So sánh hai câu dưới đây và rút ra tác dụng của việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu.  a. Vuốt cứ cứng dần và nhọn hoắt.  b. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo  cứ cứng dần và nhọn hoắt.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Bài 2.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  So sánh những cách diễn đạt dưới đây và cho biết tác dụng của việc dùng các cụm tính từ làm thành phần vị ngữ trong câu:  a. *Biết chị Cốc đi rồi, tôi bò lên*.  Và: *Biết chị Cốc đi rồi, tôi mon men bò lên.*  b. *Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc*.  Và: *Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.*  c. *Trời nóng.*  Và: *Trời nóng hầm hập*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Bài 3.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài) và *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến), các tác giả thường sử dụng kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi các cụm động từ, cụm tính từ. Ví dụ:  *Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp* (Tô Hoài). Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  *Ông khách lượn một vòng trên không rồi khép cánh, thận trọng đáp xuống ngọn măng trúc ngoài cùng xóm Bờ Giậu.* Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  Hãy tìm trong mỗi văn bản ít nhất một cách diễn đạt tương tự và cho biết tác dụng của các diễn đạt đó.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Bài 4.**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Xác định thành phần chủ ngữ và vị ngữ của các câu dưới đây:  a. *Khách giật mình*  *b. Lá cây xào xạc.*  *c. Trời rét*  Dùng cụm từ để mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ hoặc cả hai thành phần chính trong các câu trên. Sau đó so sánh để làm rõ sự khác biệt nghĩa giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Bài 5.**  **THẢO LUẬN NHÓM BÀN**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc đoạn văn sau:  *“Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. “*  a. Tìm và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.  b. Tìm và chỉ ra tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  **Bài 6.**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn văn sau:  *Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại.*  a. Tìm các nghĩa của từ “tợn” có trong từ điển.  b. Từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa nào trong những nghĩa có được ở câu a? Cho biết cơ sở xác định.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả** | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.**  **1. Cụm từ**  **a. Ví dụ:**  VD 1:  *(1) Em bé/ lang thang.*  *(2) Em bé đáng thương, bụng đói rét/ vẫn lang thang trên đường.*  Trong câu (1): chủ ngữ của câu chỉ có một từ (em bé).  Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *em bé đáng thương, bụng đói rét* cụ thể hơn *em bé* vì có thêm thông tin về tình cảm của người kể và về hoàn cảnh của em bé.  VD 2:  *(1) Tuyết/ rơi.*  *(2) Tuyết trắng/ rơi đầy đường.*  Trong câu (1): Chủ ngữ chỉ có một từ (tuyết)  Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thêm thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết.Vị ngữ *rơi đầy đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ đặc điểm của *tuyết*.  **b. Kết luận:**  -Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.  - Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (DT, ĐT, TT) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.  - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.   1. **Cụm danh từ:**   **a. Ví dụ:** *Hai cái răng đen nhánh.*  - Danh từ trung tâm: ***Cái răng***  - Phần đứng trước danh từ trung tâm: ***Hai*** chỉ số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ trước.  - Phần đứng sau danh từ trung tâm: ***đen nhánh*** chỉ đặc điểm của sự vật... mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ sau.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần danh từ trung tâm, phần phụ sau.  **3. Cụm động từ**  **a.Ví dụ:** *thường dẫn tôi ra vườn*  - Động từ trung tâm: ***dẫn***  - Phần đứng trước động từ trung tâm: ***thường.*** Gọi là phần phụ trước.  - Phần đứng sau động từ trung tâm: ***tôi, ra vườn.*** Gọi là phần phụ sau.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm động từ là một tổ hợp từ do một động từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.  **4. Cụm tính từ**  **a.Ví dụ:** *rất chăm chỉ*  - Tính từ trung tâm: ***chăm chỉ***  - Phần đứng trước tính từ trung tâm: ***rất.*** Gọi là phần phụ trước.  **b. Kết luận:**  -Khái niệm: Cụm tính từ là một tổ hợp từ do một tính từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm tính từ gồm 3 phần: phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.  **II. Thực hành tiếng Việt.**   1. **Bài tập 1 – GSK trang 96**   - Câu a chủ ngữ là “Vuốt” không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung.  - Câu b “Những cái vuốt ở chân, ở kheo” cho ta thấy vị trí rõ ràng hơn. Như vậy việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu giúp chúng ta nắm bắt được thông tin chi tiết, rõ ràng hơn.  **2. Bài tập 2 trang 96**  a. So với cách dùng vị ngữ “bò lên” thì cách diễn đạt “mon men bò lên” giúp ta hình dung rõ hơn thái độ của Dế Mèn đó là rón rén, sợ sệt, từ từ bò lên sau khi biết chị Cốc đã bỏ đi.  b. So với cách dùng vị ngữ “khóc” thì cụm tinh từ “khóc thảm thiết” diễn tả mức độ khóc lóc vô cùng thương tâm, đau xót.  c. So với cách diễn đạt “nóng”, cụm từ “nóng hầm hập” giúp ta hình dung mức độ nóng đạt tới đỉnh điểm, vô cùng oi bức, khó chịu.   Như vậy khi dùng các cụm tính từ làm vị ngữ giúp chúng ta hình dung rõ hơn mức độ, tính chất của sự việc, sự vật được nói đến trong chủ ngữ.  **Bài 3- SGK trang 96**  Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài):  - *Tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống*. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - *Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên* . Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  - *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến)  - *Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn*. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - *Thằn Làn vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ.* Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  **Bài 4 - sách giáo khoa trang 96**  **Xác định chủ ngữ và vị ngữ:**  a. Khách/ giật mình  b. Lá cây/ xào xạc.  c. Trời /rét.  **Mở rộng thành phần câu:**  a. Vị khách đó/ giật mình.  b. Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc  c. Trời/ rét buốt.  Mở rộng thành phần câu giúp thể hiện chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng.  **Bài 5 Sách giáo khoa trang 97**  a. Các từ láy: *phanh phách, hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh*.  Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn.  b. Những câu văn sử dụng phép so sánh: *Những ngọn cỏ gẫy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua*.  **Tác dụng** : Miêu tả những chiếc vuốt của Dế Mèn rất sắc nhọn, diễn tả sức mạnh của Dế Mèn.  **Bài 6- SGK trang 97**  a. Nghĩa của từ “tợn”:  - Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì , lộ rõ vẻ thách thức.  - Chỉ sự khác thường ở một mức độ cao (rét tợn)  b. từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa  hiểu: Bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi gì , lộ rõ vẻ thách thức.  Cơ sở để xác định là dựa vào nội dung những câu văn sau đó: Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại. |

**BÀI TẬP TIẾNG VIỆT MỞ RỘNG (NÂNG CAO)**

**Bài 1.**

**\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy tìm những từ láy mô phỏng âm thanh trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên***

GV cho HS thi: **Tiếp sức:**

- Thời gian 5 phút

Chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm cử đại diện lần lượt lên bảng nối tiếp nhau để viết từ láy. Nhóm nào tìm được nhiều từ thì chiến thắng.

-Tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, biểu dương bằng tràng pháo tay.

**Sản phẩm cần đạt:**

Từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:* véo von, hừ hừ, phanh phách, phành phạch, văng vẳng, ngoàm ngoạp.

**Bài 2**:

**\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**: Hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong 2 câu văn sau:

- *Hai cái răng đen nhánh của tôi lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy đang làm việc.*

**Sản phẩm:** Tác dụng: So sánh hai cái răng của Dế Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhận mạnh Dế Mèn đang tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống.

- *Mỏ Cốc như cái rùi sắt, chọc xuyên cả đất.*

**Sản phẩm**: Tác dụng: So sánh mỏ của chị Cốc với cái rùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

**\* Bước 3. Báo cáo kết quả**.

**\* Bước 4. Đánh giá kết quả.**

**VIẾT NGẮN**

**a. Mục tiêu: V1, GT-HT, GQVĐ**

- HS biết viết vận dụng kiến thức vừa học để hoàn thành một đoạn văn (Trong đó sử dụng câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.

- HS viết được bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* kết thúc với hình ảnh “Tôi đứng lặng giờ lâu suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Hãy đóng vai Dế Mèn và viết về bài học đó bằng một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ), trong đó sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.

**- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn)**

**- Bước 3. Báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết Viết chính)**

**- Bước 4. Nhận xét sản phẩm.**

***Đoạn văn tham khảo***

  Tôi đứng lặng trước nấm mồ chôn Dế Choắt giữa đồng cỏ xanh um tùm. Người bạn hàng xóm ấy đã không còn. Tâm trí tôi ngập tràn sự ân hận và xót xa. Giá như tôi đồng ý cho Dế Choắt đào một cái ngách thông sang nhà tôi… Giá như tôi không trêu chọc chị Cốc để người bạn ốm yếu của tôi phải chịu hậu quả đau xót như vậy… Chính tính cách kiêu căng, tự phụ, coi thường và thích trêu chọc người khác của tôi đã làm hại Dế Choắt. Trước nấm mồ của bạn, tôi cũng đã tự hứa sẽ thay đổi cách sống: cần sống hoà đồng, biết sẻ chia và giúp đỡ những người bạn xung quanh mình.  Không những vậy, tôi cần phải suy nghĩ thấu đáo về mọi việc trước khi làm để không gây ra những sự việc đau lòng như vậy.

***Các câu mở rộng thành phần chính:***

* Tôi đứng lặng trước nấm mồ chôn Dế Choắt giữa đồng cỏ xanh um tùm.
* Người bạn hàng xóm ấy/ đã không còn.

**Đọc mở rộng thể loại:**

**Văn bản: CÔ GIÓ MẤT TÊN**

**(**Trích ***Những câu chuyện hay viết cho thiếu nhi*)**

- Xuân Quỳnh-

****

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, Đ4 –GQVĐ, GT-HT**

HS củng cố, mở rộng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu văn bản đồng thoại.

**b. Nội dung**: Làm việc cá nhận, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân, phiếu HT đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**A. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV chiếu hình ảnh tác giả Xuân Quỳnh và tác phẩm; giới thiệu đôi nét về nữ sĩ tài năng này!**   |  | | --- | |  | | **1. Nhà thơ Xuân Quỳnh**    Tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.  - Quê quán: Làng La Khê - Hà Đông, nay thuộc Hà Nội.  - Xuân Quỳnh là một nhà thơ trẻ tiêu biểu thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. \* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **2. Tác phẩm**  - Thể loại: Truyện đồng thoại.  - PTBĐ chính: Tự sự. |

**B. Đọc mở rộng**

**Sử dụng phiếu học tập sau:**

**Nhóm 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Cô Gió** | **Mọi người** |
| Giới thiệu về cô Gió. |  |  |
| Chuyện cô Gió giúp đỡ bạn Đào. |  |  |
| Chuyện các bạn ngô, lau sậy trên bãi. |  |  |
| Chuyện đưa Ong vàng về nhà |  |  |

**Nhóm 2: Tìm hiểu về nội dung: Cô Gió mất tên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoàn cảnh** | **Diễn biến câu chuyện** |
|  |  |

**Nhóm 3: Cô gió tìm lại tên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoàn cảnh** | **Diễn biến câu chuyện** |
|  |  |

**Nhóm 4**. **Chỉ ra những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản *Cô gió mất tên***

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Đặc điểm của truyện đồng thoại *Cô Gió mất tên*** |
| **Nội dung phản ánh** |  |
| **Nhân vật** |  |
| **Cốt truyện** |  |

**Tổ chức thực hiện hoạt động đọc mở rộng.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: GV chia lớp làm 4 nhóm với 4 nhiệm vụ:**  **+ Nhóm 1: Tìm hiểu việc cô Gió giúp đỡ mọi người.**  **+ Nhóm 2: Tìm hiểu về chuyện cô Gió mất tên.**  **+ Nhóm 3: Tìm hiểu việc cô Gió tìm lại tên.**  **+ Nhóm 4**. **Chỉ ra những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản *Cô gió mất tên.***  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Thảo luận nhóm 5 phút, thống nhất ý kiến trong nhóm, hoàn thiện sản phẩm vào tờ A0  - GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu cần).  **\* Bước 3. Báo cáo, thảo luận.**  - Đại diện của nhóm lên trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **\* Bước 4. Đánh giá, chuẩn kiến thức**    **Nhiệm vụ của nhóm 2**  **Nhiệm vụ của nhóm 3**  **Nhiệm vụ của nhóm 4** | **I. Câu chuyện về cô Gió**  **1. Cô Gió giúp đỡ mọi người**  **a. Giới thiệu về cô Gió.**  - Tên: Gió.  - Dáng hình, màu sắc: Không có.  - Công việc: Đi lang thang khắp đó đây, lúc nhanh lúc chậm tùy thời tiết giúp đỡ mọi người.  \* Tình cảm của mọi người.  - Ai cũng yêu quý cô Gió.  - Cô vừa xuất hiện đâu ai cũng biết.  **b. Chuyện cô Gió giúp đỡ bạn Đào**  **\* Hoàn cảnh của bạn Đào**  + Bố mẹ đi vắng, chỉ có hai bà cháu ở nhà.  + Trời nóng hầm hập. Bà Đào bị ốm, em phải ngồi quạt cho bà.  - Tình bà cháu thương nhau:  + Bà dù nóng nhưng vẫn thương cháu "Thôi, con đi nghỉ đi, bà không nóng lắm đâu.".  + Đào biết bà nóng nên mải thương bà, đâu có để ý lưng áo mình cũng đẫm mồ hôi "Cháu không mỏi tay đâu, bà cứ để cháu quạt.".  **\* Cô Gió giúp đỡ bạn Đào**  - Cô từ chối cuộc vui để vội đi giúp đỡ bạn Đào "Lát nữa nhé! Tôi còn vội đi giúp đỡ bạn Đào bên kia một chút.  - Cô biết được tình cảm của hai bà cháu dành cho nhau.  - Cô Gió giúp đỡ Đào:  + Nhanh chóng giúp đỡ ngay: "Đến cửa sổ nhỏ nhà Đào, cô dừng lại một giây rồi từ từ thổi hơi mát vào giường bà. Vì đối với người ốm mà làm mạnh quá thì nguy hiểm.".  + Giúp đỡ rất tận tâm "Cô Gió quanh quẩn ở nhà Đào cho tới khi bà Đào khỏi ốm.".  + Sẵn sàng bất cứ khi nào con người cần đến "Khi nào bạn cần, bạn cứ gọi tôi, tôi sẽ đến giúp bạn ngay,...".  + Không màng đến lời cảm ơn "Đào chưa kịp chào và cảm ơn cô thì cô đã đi xa rồi.".  - Cô Gió cảm thấy vui vẻ vì giúp được mọi người "Cô vừa đi vừa hát.".  **2. Chuyện cô Gió mất tên**  **- Hoàn cảnh**: Trên đường đưa Ong vàng về, cô Gió chui qua một ngôi nhà.  **- Cô gió gặp biến cố:**  + Cô vào nhà nhưng không ai biết đến:   * Nhà đóng kín cửa vì trời rét. * Mọi người quây quần bên mâm cơm không biết cô vào. * Tâm trạng cô: hơi buồn "Nếu mình có hình dáng cụ thể như cái ấm, cái lọ hoa hoặc như ngọn lửa trên bếp thì có phải thích không.".   + Cô thấy những điều mới lạ: *Đài truyền hình: nhiều dây dợ và núi bấm lằng nhằng*. Tiếng đàn, hát vẫn tự nhiên vang lên không cần cô truyền đi.  → Biểu hiện của cuộc sống hiện đại, công nghệ thông tin.  → Cô mất đi công việc của mình.  + Cô chui vào hũ:   * Cái hũ tối mò, mùi hôi bốc lên nồng nặc. * Cô Gió không thể chịu nổi và xin ra. * Chị Hũ không biết đến sự xuất hiện và cái tên của cô Gió: "Tôi chưa nghe tên bao giờ", "Thế công việc của cô là gì mà cô lại mò mẫm vào đây?". * Chị Hũ khuyên cô quay về những nơi mà cô có ích để tìm lại tên của mình.   - Khi thoát khỏi biến cố đó:  + Chị Hũ đẩy cái núi cho rộng ra để cô Gió theo ánh sáng đi ra.  + Tâm trạng cô Gió: lòng buồn phiền quanh quẩn suy nghĩ "Có nhẽ chị Hũ nói đúng, mình đã bỏ quên mất tên thật rồi!"  → Quyết định đi tìm tên: "Bây giờ không biết cái tên mình nó ở nơi nào.".  → Thấy bất lực mà khóc òa lên nhưng nước mắt cũng không có dáng hình màu sắc nên không một ai biết đến để an ủi cô.  ➩ Rơi vào trạng thái vô định, không có ý nghĩa gì cho cuộc đời.  **3. Cô Gió tìm lại tên của mình**  - Hoàn cảnh: Sau khi bị mất tên, cô Gió hốt hoảng bay đi. Cô mangg hi vọng tìm thấy tên mình ở một nơi nào đó.  → Khát vọng muốn tìm lại tên của mình, muốn giúp đỡ mọi người.  → Cô gặp mặt biển mênh mông.  - Cô tìm lại được công việc của mình:  + Thổi các ngọn khói bay trên tầng ống khói nhà máy.  + Tỏa hơi mát của dòng suối ra bờ cây.  + Đưa mùi thơm của hoa tràn ra đồng cỏ.  + Đưa tiếng gọi ra xa đồng ruộng, đến tai em bé.  + Thổi bay phấp phới hai dải mũ thủy thủ. Thổi lá cờ bay phần phật. Gió giúp thuyền ra khơi.  + Thổi quay tít cái chong chóng nhỏ sặc sỡ trên tay em bé.  → Điệp ngữ "Gió thổi" tạo nhịp điệu, mô tả những công việc của cô Gió.  - Cô Gió đã tìm lại tên của mình:  + Tiếng xôn xao truyền đi "A, gió về rồi!", "Hôm nay có gió rồi!", "Nhổ neo đi, các bạn ơi, có gió rồi!".  + Em bé reo lên "Gió! Gió! Gió mát quá!".  + Cô Gió thầm nghĩ "A, tên mình đây rồi!", "Mình đã tìm thấy tên rồi!".  + Cô hát "Tôi là ngọn gió... Không bao giờ nghỉ..."  → Điệp → Bài thơ như một cách xưng danh, định nghĩa cô Gió.  → Niềm vui, hứng khởi khi tìm lại được tên của bản thân.  **- Ý nghĩa của cô Gió:**  + Không có dáng hình nhưng không sao.  + Dáng hình của cô là ở người khác, sự có ích cho người khác, ở niềm vui của người khác.  + Dù không nhìn thấy, người ta vẫn nhận ra và gọi tên: Gió!  **➩ Bài học**: Những việc làm tốt có thể không ai nhìn thấy nhưng chỉ cần chúng ta luôn biết quan tâm, giúp đỡ, mang lại niềm vui và tiếng cười cho người khác thì mọi người sẽ yêu thương và quý trọng bạn.  **II. Các đặc điểm của truyện đồng thoại:**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Đặc điểm của truyện đồng thoại *Cô Gió mất tên*** | | **Nội dung phản ánh** | Vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người. | | **Nhân vật** | Loài vật, đồ vật được nhân hóa. | | **Cốt truyện** | Mang yếu tố hư cấu, tưởng tượng; sự việc theo trật tự thời gian. | |  |  | |

**III. Sau đọc mở rộng (tổng kết)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HS làm việc cá nhân**  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** Hãy chỉ ra thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản?  - Nghệ thuật của văn bản *Cô Gió mất tên*?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  (Có thể gọi 2 HS trả lời).  **\* Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm cá nhân.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Thông điệp của văn bản**  Câu chuyện Cô gió mất tên kể về cuộc hành trình đi làm việc tốt giúp đời của cô Gió và quá trình tìm lại tên của chính cô. Qua câu chuyện, chúng ta có thể rút ra được bài học về cách làm việc tốt. Những việc tốt mà chúng ta làm, dù có được nhìn thấy hay không thì cũng sẽ khiến cho bản thân vui vẻ, nhẹ nhàng hơn và nhận được sự yêu quý từ mọi người.  **2. Nghệ thuật**  Truyện đồng thoại với lối nhân cách hóa các sự vật trong cuộc sống kết hợp các biện pháp tu từ điệp, liệt kê. |

**Luyện tập nhanh**

**\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Trả lời nhanh 3 câu hỏi trắc nghiệm sau:**

**Câu 1**. Thể loại của *Cô Gió mất tên* là gì?

1. Truyện ngắn.

b. Truyện đồng thoại.

c. Kí.

d. Thơ văn xuôi.

**ĐA: b**

**Câu 2.** Sự cố của cô Gió có nét tương đồng với câu chuyện của nhân vật nào?

a. Ong vàng lạc đường.

b. Chị Hũ đựng đồ.

c. Bé Đào chăm sóc bà.

d. Cây ngô, cây lau trong bãi.

**ĐA: a**

**Câu 3.** Đâu **không**phải công việc của cô Gió được nhắc đến trong bài?

a. Thổi bay cái diều nhỏ sặc sỡ.

b. Thổi các ngọn khói bay trên tầng ống khói nhà máy.

c. Tỏa hơi mát của dòng suối ra bờ cây.

 d. Đưa mùi thơm của hoa tràn ra đồng cỏ.

**ĐA: a**

**\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

**\* Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm cá nhân.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

**VIẾT**

**Kể lại một trải nghiệm của bản thân**

**a. Mục tiêu: V1, GT-HT, GQVĐ**

-HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết bài, chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**

Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên* các em đã được học, nhân vật Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào? (HS bộc lộ: Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ là Dế mèn đã trêu chị Cốc và gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt. Từ đó, Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên).

Còn các em, nếu kể lại một trải nghiệm của bản thân, em sẽ kể câu chuyện gì? Hãy nhớ lại một câu chuyện đã xảy ra, có ý nghĩa với em? (gọi 1 ,2 HS bày tỏ, chia sẻ)

\***Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu của bài văn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  + Theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **\* Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:** về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. (Đây cũng là yêu cầu theo đặc trưng của một bài văn tự sự). | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  -Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  -Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. |

**Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Đây là câu chuyện kể về một kỉ niệm của người kể.  GV yêu cầu 1 đến 2 HS đọc nối tiếp văn bản tham khảo.  GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu thể hiện của bài viết kể về một lần trải nghiệm.  **\* CÂU HỎI THẢO LUẬN**  - Câu chuyện trên kể bằng ngôi thứ mấy?  - Trải nghiệm của nhân vật “tôi”  được kể lại với những sự việc chính nào?  - Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng những yếu tố đó có tác dụng gì?  - Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm như thế nào?  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + GV quan sát, khuyến khích  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +HS trả lời câu hỏi  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **\*Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **II. Phân tích bài viết trong SGK**  **1. Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất**  **2.** **Những sự việc chính:**  - Làng tôi có con sông êm đềm chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.  - Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng.  - Tôi nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ.  - Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ.  - Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.  - Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.  **3.** **Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả:**  - Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông.  - Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt.  - Tôi cố ngôi lên mặt nước để kêu cứu nhưng càng vùng vẫy tôi lại càng chìm nhanh hơn và không thể thở được.  \* Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc.  **4.** **Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm**  Nhân vật “tôi” đã nhận ra sau trải nghiệm ấy là bài học sâu sắc, cần nghe lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.  **5.** **Một số kinh nghiệm khi kể lại một trải nghiệm của bản thân:**  - Dùng ngôi thứ nhất để kể  - Kết hợp kể và miêu tả  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí  - Nêu ý nghĩa của trai nghiệm đối với bản thân.  - Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần. |

**Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (kể lại trải nghiệm); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

PHIẾU TÌM Ý

**Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.**

**Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng**

cách trả lời câu hỏi vào cột trái:

|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào? | .......................................................  ....................................................... |
| Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? | .......................................................  ....................................................... |
| Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào? | .......................................................  ....................................................... |
| Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? | .......................................................  ....................................................... |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại | .......................................................  ....................................................... |

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não.**  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình theo nhiều cách:hình dung, tưởng tượng, sử dụng kỉ vật, phỏng vấn...  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các  - Hướng dẫn HS viết nháp, viết theo trí nhớ...  GV cho HS xây dựng theo phiếu học tập số : **Phiếu tìm ý**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +HS trình bày sản phẩm.  +GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ một trải nghiệm.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | **1. Bước 1: Chọn lựa đề tài**  **2. Bước 2:** **Tìm ý (điền phiếu tìm ý)**  **+** Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào?  + Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì?  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  + Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?  + Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?  ***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  **+ Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.**  **+ Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian,không gian...).  **+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình.  **4. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  **\* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng**

**cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

..............................................................................................................................

2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa?(Nếu chưa,

hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

..............................................................................................................................

3. Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.............................................................................................................................

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.)

.............................................................................................................................

5. Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu

hay đoạn cần lược bỏ.)

............................................................................................................................

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ

các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

............................................................................................................................

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN**

**a**. **Mục tiêu**: **N1, N2 -GQVĐ**

HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Biết trình bày về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

**c. Sản phẩm:** Nội dung bài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

**d. Tổ chức thực hiện: KĨ NĂNG: NÓI VÀ NGHE**

**(KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM)**

**Trước hoạt động (Khởi động)**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS nghe một giọng kể chuyện trích you tobe .

**c. Sản phẩm:** Nhận xét của HS về giọng kể, cách sử dụng ngôn ngữ của người kể

**d. Tổ chức thực hiện**

**- GV mở youtobe cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện ?**

**- GV giao nhiệm vụ:** Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

**- HS thực hiện nhiệm vụ.**

**- Vào bài (kĩ năng nói và nghe).**

**Trong hoạt động**

**Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .**HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?    - Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**    -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói** (trình bày).  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**  **Bước 3: Luyện tập và trình bày.**  **Bước 4:Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói.**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể. |  | |

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số  - HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi.  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **3. Đánh giá bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
|  |  |  |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện đểkể nhưng chưa hay | Câu chuyện hay và ấn tượng |
| 2. Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ**

**I. Mục tiêu tiết ôn tập: Ôn tập - GQVĐ**

**1. Kiến thức**

**-** Hệ thống kiến thức về đọc hiểu văn bản, viết, nói, nghe, Tiếng Việt của cả chủ đề

**2. Năng lực**

- Có khả năngtóm tắt được các văn bản đã học trong chủ đề.

- Nhận biết được kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân.

- Nhận ra được đặc điểm văn bản thuộc thể loại truyện đồng thoại

- Có khả năng trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống (sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phụ trợ khác)

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK, SGV

- Phiếu học tập

- Máy tính, ti vi (máy chiếu)….

**\* Phiếu học tập của tiết ôn tập**

**Phiếu học tập số 1: Tóm tắt văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung chính** |
| ***Bài học đường đời đầu tiên*** |  |
| ***Giọt sương đêm*** |  |
| ***Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*** |  |

**Phiếu học tập số 2: Cách cảm nhận về cuộc sống của ba nhân vật chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Dế Mèn**  **(*Bài học đường đời đầu tiên*)** | **Bọ Dừa**  **(*Giọt sương đêm*)** | **Nhân vật “tôi”**  **(*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)** |
| **Điểm giống** |  |  |  |
| **Nét khác** |  |  |  |

**Phiếu học tập số 3: Đặc điểm kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân**

**

**III. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP**

1. **Mục tiêu:** HS biết cách hệ thống kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm
4. **Tổ chức thực hiện.**

**Chủ yếu sử dụng phiếu học tập**

**Câu 1.**

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Dựa vào bảng sau hãy tóm tắt nội dung của ba văn bản (làm vào vở)

**(Chiếu phiếu HT số 1 lên máy chiếu)**

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

**Bảng tóm tắt nội dung chính của ba văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản** | **Nội dung chính** |
| *Bài học đường đời đầu tiên* | Văn bản miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính cách kiêu căng, xốc nổi đã gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình. |
| *Giọt sương đêm* | Văn bản kể về nhân vật Bọ Dừa đến xóm Bờ Giậu để tìm một chỗ trọ. Bọ Dừa đã quyết định ngủ tạm ngoài vòm trúc và trong đêm ấy, ông đã cảm nhận được những âm thanh, hình ảnh quen thuộc và đặc biệt là giọt sương đêm rơi khiến ông tỉnh giấc, sực nhớ quê nhà. Sáng hôm sau, Bọ Dừa đã quyết định trở về quê hương. |
| *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* | Văn bản kể về nhân vật *tôi* đã được người cha hướng dẫn những cách cảm nhận về cuộc sống, nhắm mắt sờ từng bông hoa rồi tập đoán, ngửi mùi hương và đoán tên hoa, những món quà… Qua đó thấy được tình yêu thương người cha dành cho đứa con, cảm nhận được tình yêu cuộc sống. |

**Câu** **2.**

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

Theo em, cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản trên có gì giống và khác nhau.

**(Chiếu phiếu HT số 2 lên máy chiếu)**

**\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Dế Mèn**  **(*Bài học đường đời đầu tiên*)** | **Bọ Dừa**  **(*Giọt sương đêm*)** | **Nhân vật “tôi”**  **(*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)** |
| **Điểm giống** | Các nhân vật đều có những trải nghiệm từ cuộc sống và qua các trải nghiệm đó, mỗi nhân vật đều rút ra được cho bản thân những bài học quý giá. | | |
| **Nét khác** | Nhân vật đã trải qua vấp ngã, sai lầm khiến bản thân phải ân hận. Từ đó rút ra được bài học cho chính mình. | Nhân vật đã trải qua một đêm thức trắng và sực tỉnh, nhận ra điều mình lãng quên từ lâu: quê hương. | Nhân vật đã có những cảm nhận sâu sắc về cuộc sống thông qua những trải nghiệm từ thiên nhiên, con người xung quanh mình. |

**Câu 3.**

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Trong ba văn bản trên, văn bản nào thuộc thể loại truyện đồng thoại? Dựa vào đâu, em cho là như vậy?

**\*Bước 2: HS trả lời cá nhân.**

**\*Bước 3: HS khác nhận xét.**

**\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

**Gợi ý**

Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* và *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* thuộc thể loại truyện đồng thoại. Vì hai văn bản đều có những đặc điểm đặc trưng của truyện đồng thoại:

+ Nhân vật là các loài vật được nhân hoá.

+ Nhân vật mang những đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

**Câu 4.**

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Vẽ sơ đồ sau vào vở và điền vào những đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**(Chiếu phiếu HT số 3 (có sẵn trong sgk) lên máy chiếu)**

**\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**

**\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

**Gợi ý:**

***Sơ đồ***



**Câu 5.**

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Em rút ra bài học kinh nghiệm gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**\*Bước 2: HS trả lời cá nhân**

**\*Bước 3: HS khác nhận xét**

**\*Bước 4: GV nhận xét và đưa ra một số gợi ý**

**Gợi ý:**

Bài học kinh nghiệm về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân

* Xác định đề tài và lựa chọn trải nghiệm của bản thân kỉ niệm sâu sắc, ý nghĩa.
* Nhớ lại những sự việc và sắp xếp các ý theo trình tự câu chuyện hợp lí.
* Khi kể cần phối hợp nhịp nhàng giữa ngôn ngữ kể, giọng điệu, các phương tiện hỗ trợ…

**Câu 6.**

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Qua những gì đã học trong bài này, em nghĩ gì về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống của chúng ta?

**\*Bước 2: HS trả lời cá nhân**

**\*Bước 3: HS khác nhận xét**

**\*Bước 4: GV nhận xét và đưa ra một số gợi ý**

Qua những bài học này, mỗi chúng ta cần hiểu rằng trong cuộc sống những trải nghiệm sẽ giúp ta có thêm kinh nghiệm sống, cảm nhận thiên nhiên, con người và cuộc sống trọn vẹn hơn. Từ đó, chúng ta hiểu được những giá trị trong cuộc sống và hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình hơn.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ CHỦ ĐỀ:**

**1. Mục tiêu:**

**-** HS biết vận dụng kiến thức đã học của cả chủ đề để giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực tiễn cuộc sống.

- Biết vận dụng kiến thức đã học để hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học

**2. Nội dung:** Trả lời câu hỏi và tự thiết kế sơ đồ tư duy bài học, đóng kịch

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời hoặc sơ đồ tư duy đã hoàn thiện của HS, đoạn kịch HS đã dàn dựng.

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:

**- Nhiệm vụ 1:** Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện đồng thoại đã học (cá nhân)

**- Nhiệm vụ 2:** Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện đồng thoại vừa học. (2 nhóm)

**\* Bước 2: HS làm việc theo nhóm (dự án HT)**

**\* Bước 3: báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết học tự chọn)**

**\* Bước 4: GV đưa ra tiêu chí đánh giá sản phẩm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện đồng thoại đã học.(4 điểm) | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1-1,5 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (2-3 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (4 điểm) |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản trong các truyện đồng thoại vừa học.  (6 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  (3 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu .  (4- 5 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (6 điểm) |

**GIAO NHIỆM VỤ VỀ NHÀ:**

+ Tự ôn lại kiến thức của bài học

+ Tập trung hoàn thiện dự án học tập trong khoảng 1 tuần

+ Chuẩn bị bài 5

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- SGK, SGV.

- CV5512, modun 1,2,3

- Tranh ảnh trên mạng Internet